

Số 556/TM-BVBV

Ba Vì, ngày 13 tháng 06 năm 2023

THƯ MỜI

Chào giá tư vấn xây dựng đặc tính kỹ thuật hàng hóa thuộc dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao; sinh phẩm chẩn đoán

Kính gửi: Các Quý đơn vị có năng lực

Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đang có kế hoạch mua sắm Hóa chất, vật tư tiêu hao; sinh phẩm chẩn đoán năm 2023. Hiện Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì có nhu cầu thuê đơn vị xây dựng đặc tính kỹ thuật cho hàng hóa thuộc dự toán nêu trên. Bệnh viện trân trọng kính mời Quý đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia chào giá dịch vụ tư vấn với nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung tư vấn: Tư vấn xây dựng đặc tính kỹ thuật cho hàng hóa thuộc dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao; sinh phẩm chẩn đoán để làm cơ sở tổ chức đấu thầu theo quy định.
2. Danh mục hàng hóa: Theo phụ lục đính kèm.
3. Hồ sơ chào giá dịch vụ tư vấn chi tiết bao gồm:
 - Đơn chào giá (báo giá) dịch vụ tư vấn. (Giá đã bao gồm đầy đủ thuế và tất cả các chi phí kèm theo)
 - Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
 - Danh sách nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ tư vấn;
 - Lý lịch chuyên gia tư vấn;
 - Tiến độ thực hiện công việc.

Thời gian nộp báo giá trước 16 giờ 30 phút ngày 26/06/2023

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng VT-TBYT – Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì. Địa chỉ: Xã Đồng Thái – Huyện Ba Vì – Hà Nội.

Trân trọng thông báo././

Nơi nhận:

- Như Đề gửi;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC 

Phạm Bá Hiền

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN BA VÌ

PHỤ LỤC: DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVBV ngày tháng 6 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
I. HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG			
	1. Hóa chất thông thường		
1	Acid Citric tinh khiết	Chai	
2	Acid HCl đậm đặc	Chai	
3	Lugol	Chai	
4	Giemsa	Chai	
5	Xylen (Toluen)	Lít	
6	Bộ nhuộm Ziehl - Neelsen	Bộ	
7	Keo gắn lam kính	Lọ	
8	Chlorin	Kg	
9	Cồn - acid	Lít	
10	Hematoxylin	Chai	
11	Cồn 70 độ	Chai	
12	Cồn 90 độ	Chai	
13	Cồn tuyệt đối	Chai	
14	Acid acetic	Chai	
15	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ	Chai	
16	Dung dịch Papanicolaou EA-50	Chai	
17	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Can	
18	Dung dịch Orang G	Chai	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
19	Dung dịch Peracetic acid 4.5% + Hydrogenperoxid 19%	Can	
20	Dung dịch phenol bão hòa	Chai	
21	Dung dịch Protease enzym 0,5%	Can	
22	Dung dịch rửa tay nhanh	Chai	
23	Dung dịch sát khuẩn Ortho - Phthaladehyde 0,55%	Chai	
24	Muối viên tinh khiết	Kg	
25	Dầu Parafin tiệt trùng 5ml	Ống	
26	Dầu soi kính hiển vi	Chai	
27	Dầu bôi trơn dụng cụ y tế	Bình	
28	Cloramin B	Kg	
29	Nước cất 2 lần vô khuẩn	Lít	
30	Hóa chất phun muỗi	Chai	
31	Vôi soda	Can	
	2. Bông, băng, gạc		
32	Bông mỡ	Kg	
33	Bông thấm y tế	Kg	
34	Bông y tế cắt miếng 2cm x 2cm	Túi	
35	Băng dính cá nhân	Hộp	
36	Băng dính vải 2,5cm x 5m	Cuộn	
37	Băng keo có gạc vô trùng 53x80 mm	Miếng	
38	Băng keo có gạc vô trùng 90x100mm	Miếng	
39	Băng keo có gạc vô trùng 90x200mm	Miếng	
40	Băng keo thử nhiệt độ hấp ướt	Cuộn	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
41	Băng rôn	Cái	
42	Bột bó cỡ 10cm x 365cm	Cuộn	
43	Bột bó cỡ 20cm x 365cm	Cuộn	
44	Gạc cầu (Ø30mm, tiết trùng, có dây)	Gói	
45	Gạc cuộn 10cm x 5m	Cuộn	
46	Gạc cuộn 7cm x 5 m	Cuộn	
47	Gạc hút	Mét	
48	Gạc cầm máu mũi	Miếng	
49	Gạc cầm máu tai	Miếng	
50	Gạc lưới băng bông 10cm x 12cm	Miếng	
51	Gạc lưới tam kháng sinh các cỡ	Miếng	
52	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5x7,5 x 6 lớp tiết trùng	Miếng	
53	Gạc phẫu thuật tiết trùng, 10 cm x 10cm x 8 lớp	Miếng	
54	Gạc thận nhân tạo	Miếng	
	3. Bơm, kim tiêm		
55	Bơm ăn 50ml	Cái	
56	Bơm tiêm 1 ml	Cái	
57	Bơm tiêm 10ml	Cái	
58	Bơm tiêm 20ml	Cái	
59	Bơm tiêm 50ml	Cái	
60	Bơm tiêm 5ml	Cái	
61	Bơm tiêm Insulin	Cái	
62	Kim cánh bướm	Cái	
63	Kim chọc dò tủy sống	Cái	
64	Kim luồn tĩnh mạch	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
65	Kim tiêm nha khoa	Cái	
66	Kim lấy thuốc	Cái	
	4. Vật tư thận nhân tạo		
67	Bộ dây lọc máu	Bộ	
68	Catheter 2 nòng chạy thận nhân tạo	Bộ	
69	Kim bướm chạy thận nhân tạo	Cái	
70	Quả lọc máu thận nhân tạo	Quả	
	5. Chỉ phẫu thuật		
71	Chỉ lạnh liền kim số 3/0	Sợi	
72	Chỉ lạnh	Cuộn	
73	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 3/0	Sợi	
74	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đơn sợi liền kim số 5/0	Sợi	
75	Chỉ nylon đơn sợi liền kim không tiêu số 2/0	Sợi	
76	Chỉ nylon đơn sợi liền kim không tiêu số 3/0	Sợi	
77	Chỉ nylon đơn sợi liền kim không tiêu số 5/0	sợi	
78	Chỉ Peclon	Cuộn	
79	Chỉ Polypropylene 2 kim số 2/0	Sợi	
80	Chỉ Polypropylene 2 kim số 3/0	Sợi	
81	Chỉ Polypropylene 2 kim số 4/0	Sợi	
82	Chỉ Polypropylene 2 kim số 5/0	Sợi	
83	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bền liền kim 2/0	Sợi	
84	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền liền kim số 3/0	Sợi	
85	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền liền kim số 4/0	Sợi	
86	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền liền kim số 6/0	Sợi	
87	Chỉ tự tiêu tổng hợp sợi bền liền kim số 1	Sợi	
88	Chỉ tự tiêu	Cuộn	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
89	Chỉ thép liên kim	Sợi	
	6. Vật tư nha khoa		
90	Acid Etching	Tuýp	
91	Asen diệt tủy	Lọ	
92	Bông cầm máu nha khoa	Cái	
93	Caxi hydroxid	Lọ	
94	Châm nạo, nong nạo	Cái	
95	Chất hàn ống tủy Cortisomol	Lọ	
96	Chất hàn tạm	Lọ	
97	Composit chảy (A2,A3,A3.5)	Nhộng	
98	Composite các màu	Nhộng	
99	Dầu xịt tay khoan	Chai	
100	Eugenol	Lọ	
101	Fuji II 15g	Hộp	
102	Gutta percha	Hộp	
103	Hàn Composite nhỏ	Tuýp	
104	Kẽm oxid	Chai	
105	Mũi khoan nha khoa dùng cho tay khoan chậm	Cái	
106	Nong, dũa ống tủy	Vi	
107	Ốc tay khoan nha khoa	Cái	
108	Ống hút nước bột	Cái	
109	Trâm gai	Vi	
	7. Găng tay, khẩu trang, trang phục phòng hộ		
110	Găng mô tiết trùng	Đôi	
111	Găng tay dài sản	Đôi	
112	Găng tay khám	Đôi	
113	Khẩu trang y tế	Cái	
	8. Dây truyền, dây dẫn, ống thông, ống nối, catheter		
		Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
115	Canuyn mở khí quản	Cái	
116	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Cái	
117	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Cái	
118	Dây hút nhót	cái	
119	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	
120	Dây thở oxy 2 nhánh	Bộ	
121	Dây truyền dịch	Bộ	
122	Dây truyền máu	Bộ	
123	Khóa 3 chạc có dây nối	Cái	
124	Khóa 3 chạc không dây	Cái	
125	Ống nội khí quản 1 nòng có hút trên cốp (số 7 đến 8)	Cái	
126	Ống nội khí quản có cốp các số	Cái	
127	Sonde dạ dày các số	Cái	
128	Sonde dẫn lưu silicon tiết trùng	Cái	
129	Sonde foley 2 nhánh các số	Cái	
130	Sonde Foley 3 nhánh các số	Cái	
131	Sonde JJ các cỡ	Cái	
132	Sonde tiêu neon	Cái	
	9. Khớp nhân tạo		
133	Khớp háng bán phần có xi măng chuỗi phủ HA, chống trượt, chuỗi ngắn	Cái	
134	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ HA, chống trượt, chuỗi dài	Cái	
135	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ titanium plasma (TPS), chống trượt, chuỗi ngắn	Cái	
136	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA, chống trượt	Cái	
	10. Vật tư phẫu thuật nội soi khớp		
137	Chỉ siêu bền	Sợi	
138	Dây nước chạy máy	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
139	Lưỡi bào khớp các cỡ	Cái	
140	Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng radio	Cái	
141	Vít điều chỉnh độ dài	Cái	
	11. Vật tư chấn thương chỉnh hình khác		
142	Đầu vặn vít 1.6	Cái	
143	Đầu vặn vít 2.0	Cái	
144	Mũi khoan 1.6 mm hàm mặt	Cái	
145	Mũi khoan 2.0 mm hàm mặt	Cái	
146	Mũi khoan xương 2.0 mm	Cái	
147	Mũi khoan xương 1.1mm	Cái	
148	Mũi khoan xương 1.5 mm	Cái	
149	Mũi khoan xương 3.2 mm	Cái	
150	Nẹp bàn tay	Cái	
151	Nẹp cramer	Cái	
152	Nẹp đầu dưới xương cánh tay chữ Y	Cái	
153	Nẹp đầu trên xương chày (nẹp L phải, trái, 8-12 lỗ)	Cái	
154	Nẹp đầu trên xương đùi	Cái	
155	Nẹp hàm mặt 1.6 kèm vít 8 lỗ	Cái	
156	Nẹp hàm mặt 2.3, 4 lỗ kèm vít	Cái	
157	Nẹp hàm mặt L (P) 2.0 kèm vít 6 lỗ	Cái	
158	Nẹp hàm mặt L (T) 2.0 kèm vít 6 lỗ	Cái	
159	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	
160	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	
161	Nẹp lồng máng các loại	Cái	
162	Nẹp mắt xích xương gót	Cái	
163	Nẹp ngón tay	Cái	
164	Vít khóa titanium đường kính 3.5 mm	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
166	Vít khóa titanium đường kính 5.0 mm	Cái	
167	Vít khóa titanium đường kính 6.0 mm	Cái	
168	Đinh Kirschner các số (1.5; 2.0)	Cái	
169	Đinh metaizeau đường kính 1.6-4.0 mm	Cái	
170	Đinh nội tủy xương đùi có chốt	cái	
171	Đinh nội tủy xương chày có chốt	cái	
	12. Phim X quang		
172	Phim lase 20cm x 25cm	Tờ	
173	Phim lase 25cm x 30cm	Tờ	
174	Phim X quang nha khoa rửa nhanh	Tờ	
175	Phim lase 35cm x 43cm	Tờ	
	13. Vật tư phục vụ xét nghiệm		
176	Đầu côn 10μl có màng lọc	Cái	
177	Đầu côn 1000μl có màng lọc	Cái	
178	Đầu côn 200μl có màng lọc	Cái	
179	Ăng nhựa vô khuẩn 1μl	Cái	
180	Ăng nhựa vô khuẩn 10μl	Cái	
181	Bao cao su bọc đầu dò siêu âm	Cái	
182	Chỉ thị hóa học đơn thông số	Miếng	
183	Cốc đựng huyết thanh nhọn đáy có nắp	Cái	
184	Đầu côn vàng	Cái	
185	Đầu côn xanh	Cái	
186	Kim chích máu	Cái	
187	Lam kính đầu mài	Hộp	
188	Lamen	Hộp	
189	Ống chống đông Natricitrat	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
190	Ống nghiệm chân không có EDTA -k3 khô phun sương	Cái	
191	Ống nghiệm Heparin các cỡ	Ống	
192	Ống nghiệm nhựa 5 ml	Ống	
193	Ống nhựa đựng nước tiểu có nắp	Ống	
194	Pipet pasteur vô khuẩn	Cái	
195	Que tăm bông vô khuẩn cán cứng	Cái	
	14. Vật tư chẩn đoán và điều trị khác		
196	Dây máy hút dịch	Cái	
197	Dây và mask khí dung dùng 1 lần	Bộ	
198	Đè lưỡi gỗ	Cái	
199	Điện cực tim dán	Cái	
200	Fillter máy thở	Cái	
201	Gel bôi trơn K-Y	Tuýp	
202	Gel siêu âm	Can	
203	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Cuộn	
204	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 90mm	Cuộn	
205	Giấy in ảnh màu	Hộp	
206	Giấy in ảnh siêu âm	Cuộn	
207	Giấy in máy đo chức năng hô hấp	Cuộn	
208	Giấy in monitor sản khoa	Tập	
209	Kim châm cứu vô trùng	Cái	
210	Kẹp rốn	Cái	
211	Lưỡi dao mổ dùng 1 lần	Cái	
212	Lưỡi dao Plassma	Cái	
213	Mask khí dung người lớn, trẻ em	Cái	
214	Mask thở oxy người lớn + trẻ em	Bộ	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
215	Phin lọc (dùng cho máy đo chức năng hô hấp)	Cái	
216	Pin dùng cho đèn nội khí quản	Đôi	
217	Quả bóp huyết áp cao su	Cái	
218	Que thử độ cứng của nước RO	Que	
219	Que thử nồng độ axit Paracetic	Que	
220	Sáp ong	Miếng	
221	Tấm nilon trải bàn vô khuẩn	Tấm	
222	Túi camera	Cái	
223	Túi nước tiểu	Cái	
224	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn	Chiếc	
225	Vòng đeo tay bệnh nhân sơ sinh	Chiếc	
226	Vòng tránh thai	Cái	

Tổng 226 khoản

II. HÓA CHẤT, VẬT TƯ CHO MÁY XÉT NGHIỆM; SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN

	1. Hóa chất vật tư cấy máu, định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ		
1	Chai cấy máu trẻ em	Chai	
2	Chai cấy máu người lớn	Chai	
3	Môi trường thạch Chocolate	Đĩa	
4	Bộ thuốc nhuộm Gram	bộ	
5	Môi trường thạch máu	Đĩa	
6	Môi trường Thạch Uti	Đĩa	
7	Thẻ định danh nhóm vi khuẩn Gram dương	Thẻ	
8	Thẻ định danh nhóm vi khuẩn Gram âm	Thẻ	
9	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ	
10	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ	
	2. Hóa chất xét nghiệm RT-PCR		
11	Kit định lượng virus HIV	Test	
12	Bộ kit tách chiết ARN	Hộp	
	3. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm sinh hóa		

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
13	Albumin	Hộp	
14	ALT	Hộp	
15	Amylase	Hộp	
16	AST	Hộp	
17	Bilirubin Direct	Hộp	
18	Bilirubin Total	Hộp	
19	Bóng đèn máy sinh hóa	Chiếc	
20	Calcium Arsenaro	Hộp	
21	Chất hoạt động bề mặt	Hộp	
22	Chất pha loãng mẫu NaCl 9%	Hộp	
23	Cholesterol	Hộp	
24	CK-MB	Hộp	
25	Control HBA 1C Norm	Hộp	
26	Control HBA 1C Path	Hộp	
27	Creatinin	Hộp	
28	CRP	Hộp	
29	Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày kim hút, điện cực điện giải	Hộp	
30	Dung dịch rửa có tính acid	Hộp	
31	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng	Hộp	
32	Dung dịch rửa kim hút mẫu 1	Hộp	
33	Dung dịch rửa kim hút mẫu 2	Hộp	
34	Dung dịch rửa NaOH 1mol/l	Hộp	
35	Ethanol	Hộp	
36	Ferritin	Hộp	
37	GGT	Hộp	
38	Glucose	Hộp	
39	HBA 1C	Hộp	
40	HBA 1C HAEMOLYZING	Hộp	
41	HDL-Cholesterol	Hộp	
42	Hóa chất Calibration	Hộp	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
43	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Hộp	
44	Hóa chất chuẩn CK-MB	Hộp	
45	Hóa chất chuẩn nhóm xét nghiệm mỡ máu	Hộp	
46	Hóa chất chuẩn nhóm xét nghiệm Protein	Hộp	
47	Hóa chất QC mức 1	Hộp	
48	Hóa chất QC mức 2	Hộp	
49	Iron	Hộp	
50	LDL-Cholesterol	Hộp	
51	NH3/ETH/CO2 calibrator	Hộp	
52	NH3/ETH/CO2 control A	Hộp	
53	NH3/ETH/CO2 control N	Hộp	
54	Total protein	Hộp	
55	Triglyceride	Hộp	
56	Ureal	Hộp	
57	Uric acid	Hộp	
	4. Hóa chất, vật tư cho Máy xét nghiệm sinh hóa AU480		
58	Albumin	Hộp	
59	ALT	Hộp	
60	AST	Hộp	
61	Bilirubin Direct	Hộp	
62	Bilirubin Total	Hộp	
63	Calcium	Hộp	
64	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	
65	Cholesterol	Hộp	
66	CK-MB	Hộp	
67	CK-MB calibrator	Hộp	
68	CK-MB Control	Hộp	
69	Creatinin	Hộp	
70	CRP latex	Hộp	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
71	Dung dịch ly giải hồng cầu cho xét nghiệm HbA1C	Hộp	
72	Dung dịch rửa máy sinh hóa	can	
73	Ferritin	Hộp	
74	GGT	Hộp	
75	Glucose	Hộp	
76	HbA1C	Hộp	
77	HbA1C - Calibrator	Hộp	
78	HbA1C - Control (mức 1 và mức 2)	Hộp	
79	HDL- Cholesterol	Hộp	
80	Immunology Control 1	Hộp	
81	Immunology Control 2	Hộp	
82	Iron	Hộp	
83	LDL- Cholesterol	Hộp	
84	QC cho các xét nghiệm sinh hóa mức 1	Lọ	
85	QC cho các xét nghiệm sinh hóa mức 2	Lọ	
86	Total protein	Hộp	
87	Triglyceride	Hộp	
88	Urea	Hộp	
89	Uric acid	Hộp	
90	α - Amylase	Hộp	
	5. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E-411		
91	Cup đựng dung dịch phản ứng	Hộp	
92	Dung dịch dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy	Hộp	
93	Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp	
94	Dung dịch rửa bộ phát tín hiệu của máy	Hộp	
95	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Hộp	
96	FT3	Hộp	
97	FT3 Calset	Hộp	
98	FT4	Hộp	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
99	FT4 Calset	Hộp	
100	Hóa chất QC máy miễn dịch	Hộp	
101	Tip đựng dung dịch phản ứng	Hộp	
102	TSH	Hộp	
103	TSH Calset	Hộp	
104	β -HCG	Hộp	
105	β -HCG Calset	Hộp	
	6. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm đông máu STA COMPACT MAX		
106	CaCl ₂ 0,025M	Hộp	
107	Cóng đo	Thùng	
108	Dung dịch pha loãng mẫu	Hộp	
109	Hóa chất định lượng Fibrinogen	Hộp	
110	Hóa chất QC (mức 1 và mức 2)	Hộp	
111	Hóa chất rửa kim	Hộp	
112	Hóa chất rửa máy	Hộp	
113	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hộp	
114	Hóa chất xét nghiệm PT	Hộp	
	7. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm huyết học XN 350		
115	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống	Hộp	
116	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu	Thùng	
117	Dung dịch pha loãng	Thùng	
118	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu	Hộp	
119	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu máu	Hộp	
120	Máu chuẩn máy huyết học mức 1	Lọ	
121	Máu chuẩn máy huyết học mức 2	Lọ	
	8. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm huyết học XP 100		
122	Chất pha loãng hồng cầu	Thùng	
123	Chất phá vỡ hồng cầu	Chai	
124	Dung dịch rửa thường máy huyết học	Lọ	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
126	Máu chuẩn máy huyết học mức cao	Lọ	
	9. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm huyết học Máy Celltax α		
127	Chất pha loãng hồng cầu	Thùng	
128	Chất phá vỡ hồng cầu	Chai	
129	Dung dịch rửa thường máy huyết học	Thùng	
130	Dung dịch rửa mạnh máy huyết học	Can	
131	Máu chuẩn máy huyết học mức 1	Lọ	
132	Máu chuẩn máy huyết học mức 2	Lọ	
133	Dây bơm máy huyết học	Chiếc	
	10. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm điện giải ISE 3000		
134	Hóa chất cho máy điện giải 3 thông số Na,K,Cl	Hộp	
135	Dung dịch rửa máy điện giải	Lọ	
136	K+ ELECTRODE	chiếc	
137	Na+ ELECTRODE	chiếc	
138	CL-ELECTRODE	chiếc	
139	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm điện giải ISE 3000	Lọ	
	11. Hóa chất, vật tư cho máy xét nghiệm điện giải EasyLyte EXPAND		
140	Ca++ Electrode	Chiếc	
141	Cl-Electrode	chiếc	
142	Dây bơm máy điện giải	Bộ	
143	Dung dịch đồ điện cực pH Na Cl	Hộp	
144	Dung dịch rửa máy điện giải	Hộp	
145	EasyLyte Calcium Reference Electrode	Chiếc	
146	Hóa chất QC máy điện giải (2 lever)	Hộp	
147	K+ Electrode	Chiếc	
148	Na/K/CL/Ca/Li Solution pack, 800ml	Hộp	
149	Na+ Electrode	Chiếc	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
	12. Hóa chất, vật tư cho Máy khí máu GASTAT 710		
150	Bộ ống dây	Bộ	
151	Cổng nhận mẫu	Chiếc	
152	Dung dịch châm điện cực tham chiếu	Bộ	
153	Dung dịch rửa máy khí máu	Chai	
154	Hóa chất hiệu chuẩn máy khí máu	Hộp	
155	Lõi điện cực tham chiếu	Chiếc	
156	PCO ₂ Electrode	Chiếc	
157	pH ELECTRODE	Bộ	
158	PO ₂ Electrode	Chiếc	
159	QC khí máu (2 mức độ)	Hộp	
	13. Test nhanh, sinh phẩm chẩn đoán		
160	Test đường huyết	Test	
161	Rhofinal Anti D (IgM/IgG)	Lọ	
162	Anti human globulin	Lọ	
163	Bovin serum Abumin	Lọ	
164	ASO Latex	Hộp	
165	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	Test	
166	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test	
167	Huyết thanh thử nhóm máu Anti A	Lọ	
168	Huyết thanh thử nhóm máu Anti AB	Lọ	
169	Huyết thanh thử nhóm máu Anti B	Lọ	
170	Test thử nhanh phát hiện MOP/MDMA/MET/THC	Test	
171	Test nhanh chẩn đoán HP (Ab)	Test	
172	Test nhanh chẩn đoán HP (Ag)	Test	
173	Que thử chuẩn âm tính cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hộp	
174	Que thử chuẩn dương tính cho máy xét nghiệm nước tiểu	Hộp	
175	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1 Ag	Test	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Ghi chú
177	Test nhanh chẩn đoán thai sớm (HCG)	Test	
178	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A (HAV)	Test	
179	Test nhanh chuẩn đoán cúm (Influenza virut A,B)	Test	
180	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Test	
181	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan C	Test	
182	Test nhanh Rubella Ab	Test	
183	Test nước tiểu 10 thông số	Test	
184	Test thử giang mai	Test	
185	Test thử HbeAg	Test	
186	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virut Rota	Test	
Tổng 186 khoản			